

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẢO THƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẢO THƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO THUONG TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAO THUONG TRADING SERVICES CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110737766

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 11 ngõ 71 Thôn Thượng, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn	1811(Chính)
2.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ dập khuôn tem)	1812
3.	Sao chép bản ghi các loại	1820
4.	Quảng cáo	7310
5.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội và các mặt hàng Nhà nước cấm) (Trừ dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
7.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động Dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá, dịch vụ lấy lại tài sản; trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	8299
9.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Trừ hợp báo (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
10.	Đại lý du lịch	7911

11.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế. (Theo Điều 31 Luật du lịch 2017)	7912
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ hoạt động vận tải hàng không)	5229
13.	Cho thuê xe có động cơ	7710
14.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
15.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
16.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
17.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
18.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể; dạy về tôn giáo)	8559
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
20.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
21.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
22.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
25.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
26.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
27.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
28.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
29.	Lập trình máy vi tính	6201
30.	Cung ứng lao động tạm thời (Trừ hoạt động cho thuê lại lao động)	7820
31.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Trừ hoạt động cho thuê lại lao động)	7830
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
33.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

34.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
35.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
37.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
38.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
39.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
40.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
41.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ máy móc, thiết bị y tế)	4659
44.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
45.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
46.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
47.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
48.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
49.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
50.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thiết bị thu phát sóng)	4652
52.	Bán buôn tổng hợp (trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí, loại Nhà nước cấm)	4690
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

54.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đầu giá; Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	4799
55.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4791
56.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Loại trừ hoạt động Điều tra thu thập ý kiến về những sự kiện chính trị)	7320
58.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
59.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
62.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
63.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
64.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

6. **Vốn điều lệ:** 1.980.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ ĐỨC BẢO	Việt Nam	Thôn Hoa Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.584.000.000	80,000	001091035882	
2	BÙI THỊ THƯƠNG	Việt Nam	Thôn Hoa Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	396.000.000	20,000	017193000700	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: BÙI THỊ THƯỜNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/04/1993

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017193000700

Ngày cấp: 31/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hoa Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 11 ngõ 71 Thôn Thượng, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội